TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2024/DS-PT
Ngày: 22 – 8 – 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Minh Dũng.

Các Thẩm phán: Ông Thái Văn Hà.

Ông Nguyễn Văn Hiệp.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Huỳnh Thị Phương Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Lữ Thị Xuân Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2024/TLPT-DS ngày 24 tháng 7 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện P, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 152/2022/QĐXXPT-DS ngày 05 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Thị K, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn V, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định. (có mặt)

- *Bị đơn*:

1. Bà Đỗ Thị Mai P, sinh năm 1990. (có mặt)

2. Ông Huỳnh Minh H, sinh năm 1984. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Cùng cư trú: Thôn T, xã M, huyện P, Bình Định.

- *Người kháng cáo*: Bà Đỗ Thị Mai P là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị K trình bày:

Vào ngày 07/12/2022 vợ chồng bà Đỗ Thị Mai P, ông Huỳnh Minh H có vay bà số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) để về đáo hạn ngân hàng. Vợ chồng bà

P, ông H có viết giấy mượn tiền và thỏa thuận miệng là khi nào bà cần sẽ trả lại. Từ đó đến nay bà đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà P, ông H trả lại số tiền đã vay trên nhưng vợ chồng bà P, ông H cố tình trốn tránh không trả. Nay bà yêu cầu Toà án giải quyết buộc vợ chồng bà P, ông H phải trả lại cho bà số tiền 300.000.000đ. Bà không yêu cầu trả lãi suất đối với số nợ trên.

Bị đơn bà Đỗ Thị Mai P trình bày:

Vào ngày 10/8/2022 bà có vay của bà Huỳnh Thị K số tiền 300.000.000đ chứ không phải vay ngày 07/12/2022. Khi vay bà có viết giấy mượn tiền cho bà K nhưng bà K không đồng ý, yêu cầu có chồng bà cùng ký giấy mượn nên bà đã đem về giả chữ ký của chồng bà là ông Huỳnh Minh H và ký vào giấy mượn tiền rồi đưa cho bà K. Khi vay hai bên có thoả thuận bằng miệng là lãi suất là 3.000.000đ/ngày. Bà đã chuyển khoản trả cho bà K được 03 tháng tiền lãi 264.000.000đ thì không có khả năng trả nữa. Số tiền trên bà vay về để làm kinh tế gia đình nhưng việc làm ăn bị thua lỗ nên không có khả năng trả nợ cho bà K. Số tiền trên chỉ mình bà vay chứ ông H chồng bà không biết, không liên quan gì đến việc vay, mượn giữa bà với bà K.

Bà đã trả cho bà K 270.000.000đ gồm chuyển khoản thông qua ngân hàng cho bà K 264.000.000đ và trả 6.000.000đ cho bà K lúc vay tiền, nên trừ số tiền 270.000.000đ trả tiền gốc hiện nay bà còn nợ bà K 30.000.000đ gốc.

Bị đơn ông Huỳnh Minh H đã được tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông H1 vắng mặt không có lý do.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số *08/2024/DS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện P, quyết định:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị K. Buộc vợ chồng ông Huỳnh Minh H, bà Đỗ Thị Mai P liên đới trả cho bà Huỳnh Thị K số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về án phí, về quyền nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 23/01/2024 bị đơn bà Đỗ Thị Mai P kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị K vì bà đã trả cho bà K 270.000.000đ gồm chuyển khoản cho bà K 264.000.000đ và trả 6.000.000đ cho bà K lúc vay tiền nên trừ số tiền 270.000.000đ trả tiền gốc hiện nay bà còn nợ bà K 30.000.000đ, khoản vay này không liên quan đến chồng bà nên chỉ một mình bà có trách nhiệm trả nợ cho bà K. Tại phiên tòa phúc thẩm bà đồng ý khoản vay này để làm kinh tế gia đình nên hai vợ chồng cùng trả cho bà K.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng;

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự chấp nhận một phần kháng cáo của bà Đỗ Thị Mai P sửa bản án sơ thẩm buộc một mình bà P phải trả cho bà K 300.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa bị đơn ông Huỳnh Minh H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà Đỗ Thị Mai P, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Nguyên đơn bà Huỳnh Thị K khởi kiện cho rằng ngày 07/12/2022 vợ chồng bà Đỗ Thị Mai P, ông Huỳnh Minh H có vay bà Huỳnh Thị K số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) mục đích vay là để đáo hạn ngân hàng. Để chứng minh cho lời trình bày của mình bà K cung cấp cho tòa bản gốc Giấy mượn tiền ghi ngày 07/12/2022 (bút lục 01). Xét thấy giấy mượn tiền gốc đã được đánh máy sẵn nhưng không có ghi nội dung, trên giấy mượn tiền chỉ có chữ ký người cho mượn bà Huỳnh Thị K, chữ ký người mượn tiền bà Đỗ Thị Mai P và ông Huỳnh Minh H và ghi ngày mượn là ngày 07/12/2022 ngoài ra không còn ghi nội dung gì khác nên giấy mượn tiền này không có cơ sở thể hiện bà P, ông H đã mượn bà K 300.000.000đ.

Tuy nhiên, bà Đỗ Thị Mai P thừa nhận có vay của bà Huỳnh Thị K số tiền 300.000.000đ, mục đích vay để làm kinh tế gia đình nhưng vay vào ngày 10/8/2022 không phải là ngày 07/12/2022 theo giấy mượn tiền bà K cung cấp cho tòa. Vì khi vay tiền ngày 10/8/2022 bà P có viết giấy mượn tiền cho bà K nhưng bà K không đồng ý, bà K yêu cầu phải có chồng bà P cùng ký giấy mượn nên bà K đưa cho bà P giấy mượn tiền để trống để bà P đem cho chồng là ông H ký và bà P mang về nhà giả chữ ký của chồng rồi đưa lại cho bà K giấy mượn tiền theo mẫu không ghi nội dung và ngày tháng mượn tiền và bà K tự ghi ngày 07/12/2022 và nộp cho tòa. Xét thấy lời trình bày của bà P là có cơ sở, bởi vì giấy mượn tiền không có ghi nội dung vay mượn tiền, chỉ có chữ ký của bà P, ông H ghi bằng một loại mực và chữ ký bà K, chữ viết ngày 07/12/2022 ghi bằng một loại mực khác nhau. Tại phiên tòa phúc thẩm bà K thừa nhận chữ ký bên cho vay và chữ viết ngày 07/12/2022 do bà K tự ghi nên Hội đồng xét xử có cơ sở xác định chữ ký bên cho vay bà K và chữ viết ngày 07/12/2022 do bà K viết và chữ viết chữ ký bên vay bà P, ông H được viết hai lần vào hai thời điểm khác nhau, một lần bà P mang về nhà tự ký và sau đó đưa lại cho bà K ký và tự ghi ngày 07/12/2022.

Do đó Hội đồng xét xử xét thấy giấy mượn tiền không đủ cơ sở để xác định bà P, ông H có mượn bà K 300.000.000đ vào ngày 07/12/2022 mà căn cứ vào sự thừa nhận của bà P để xác định bà P ông H có mượn bà K 300.000.000đ vào ngày 10/8/2022.

[2.2] Mặc khác, từ ngày 11/8/2022 cho đến ngày 01/12/2022 bà P chuyển tiền cho bà K qua ngân hàng NN&PTNT huyện P đến số tài khoản của bà K 1000079967 mở tại Ngân hàng V, với 54 lần chuyển tiền tổng cộng 264.000.000đ bà P cho rằng số tiền này là dùng trả lãi cho bà K do khi vay hai bên có thoả thuận bằng miệng là lãi suất 3.000.000đ/ngày. Tại phiên toà, bà Huỳnh Thị K thừa nhận bà P có chuyển khoản cho bà 264.000.000đ như bà P trình bày, nhưng bà cho rằng, do quen biết nên bà P cần tiền mua bán đồ tại nhà nên bà P đã nhiều lần vay rồi trả nên bà P chuyển khoản nhiều lần 264.000.000đ cho bà từ ngày 11/8/2022 đến ngày 01/12/2022 là trả

các khoản vay trước chứ không liên quan gì đến khoản tiền vay 300.000.000đ, nhưng bà K không chứng minh được ngoài khoản vay đang tranh chấp thì bà K còn cho bà P vay các khoản khác mà bà P mỗi ngày đều trả 3.000.000đ như bản sao kê ngân hàng.

Từ những nhận định trên HĐXX có đủ cơ sở để khẳng định bà P vay tiền của bà K 300.000.000đ vào ngày 10/8/2022 với mục đích vay để làm kinh tế gia đình và bà P đã trả cho bà K 264.000.000đ từ ngày 11/8/2022 cho đến ngày 01/12/2022.

[2.3] Về tiền lãi phải trả: Đây là khoản vay không thời hạn, bà P cho rằng khi vay hai bên có thoả thuận bằng lời nói lãi suất 3.000.000đ/ngày nhưng bà K cho rằng hai bên không có thỏa thuận lãi vay. Do các bên không thống nhất về lãi vay nên tiền lãi được tính lại theo mức lãi suất được xác định theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là 10%/năm kể từ ngày 10/8/2022 đến ngày 01/12/2022 theo số dư nợ gốc 300.000.000đ, thành tiền 300.000.000đ x 10%/năm x 113 ngày = 9.417.000đ. Do bà P đã trả 264.000.000đ trừ tiền lãi 9.417.000đ nên số tiền còn lại 254.583.000đ được trừ vào nợ gốc nên tính đến ngày 01/12/2022 bà P đã trả được 254.583.000đ gốc và 9.417.000đ lãi, còn nợ bà K số tiền gốc 45.417.000đ.

Do bà K khởi kiện chỉ đòi nợ gốc không yêu cầu tính lãi nên thời gian từ ngày 01/12/2022 đến nay hội đồng xét xử không xem xét tiền lãi.

[2.4] Tại phiên tòa bà P thừa nhận mục đích vay về làm kinh tế gia đình và thừa nhận chồng bà là ông H phải có trách nhiện liên đới trả lại khoản nợ vay cho bà K là phù hợp với quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015, hơn nữa sau khi xét xử sơ thẩm ông H không kháng cáo nên bà P thừa nhận hai vợ chồng cùng có trách nhiệm trả nợ là có cơ sở chấp nhận.

[2.5] Ngoài ra, bà P còn kháng cáo cho rằng bà đã trả 6.000.000đ cho bà K lúc vay tiền, nhưng bà P không có tài liệu chứng cứ chứng minh và không được bà K chấp nhận nên HĐXX không chấp nhận bà P đã trả bà K 6.000.000 đ lúc vay tiền.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của Đỗ Thị Mai P sửa một phần bản án sơ thẩm. Buộc vợ chồng ông Huỳnh Minh H, bà Đỗ Thị Mai P liên đới trả cho bà Huỳnh Thị K số tiền 45.417.000đ.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội:

- Ông Huỳnh Minh H, bà Đỗ Thị Mai P phải chịu 2.270.000đ.

- Bà Huỳnh Thị K phải chịu 12.729.000đ.

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội thì bà Đỗ Thị Mai P không phải chịu.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của bà Đỗ Thị Mai P, áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự sửa bản án sơ thẩm buộc một

mình bà P phải trả cho bà K 300.000.000đ là không phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Đỗ Thị Mai P. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định.

2. Buộc ông Huỳnh Minh H, bà Đỗ Thị Mai P liên đới trả cho bà Huỳnh Thị K số tiền 45.417.000đ (bốn mươi lăm triệu bốn trăm mười bảy nghìn đồng).

3. Bác yêu cầu của bà Huỳnh Thị K yêu cầu ông Huỳnh Minh H, bà Đỗ Thị Mai P phải trả số tiền 300.000.000đ.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Huỳnh Minh H, bà Đỗ Thị Mai P phải chịu 2.270.000đ.

- Bà Huỳnh Thị K phải chịu 12.729.000đồng. Khấu trừ 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà K đã nộp theo Biên lai thu số 00106 ngày 17/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P. Bà K còn phải nộp thêm 5.229.000đ.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đỗ Thị Mai P không phải chịu. Hoàn trả cho bà P tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu số 00018 ngày 29/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

5.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả khác khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

5.2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân

sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện P;
- CCTHADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(*Đã ký và đóng dấu*)

Phan Minh Dũng